

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
H1ỆN THÁI THUY
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/6/2022

V/v hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN H1ỆN THÁI THUY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Phạm Hồng Thiêm.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022:

* Nguyên đơn: Chị Bùi Thị , sinh năm 1983

Nơi cư trú: , H1ện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1982

Nơi cư trú: , H1ện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/02/2002 tại UBND xã A, H1ện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và do anh M ham chơi bời, không lo cho gia đình. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn vì hạnh phúc gia đình và vì con cái nhưng anh M không thay đổi. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị không thể tiếp tục chung sống với anh M được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có hai con chung là Nguyễn PH L, sinh ngày 20/01/2003 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết và Nguyễn Đình H1, sinh ngày 11/5/2006. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Đình H1 không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung. Về tài sản chung, chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Anh Nguyễn Đình M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.*

* Tại 02 biên bản xác M ngày 11/4/2022 và ngày 04/3/2022, đại diện UBND xã Thái Thịnh cung cấp: Chị H và anh M kết hôn tại UBND xã A vào năm 2002. Sau đó một thời gian anh chị đã mua nhà đất, sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã Thái Thịnh khoảng hơn 10 năm nay. Khoảng tháng 3 năm 2022 thì anh M đi khỏi địa pH, khi đi không báo chính quyền địa pH nên địa pH không biết đi đâu làm gì. Tòa án đã cùng cán bộ thôn xã đến nhà anh M để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng do anh M không có nhà nên đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Về mâu thuẫn của vợ chồng anh M và chị H mà địa pH được biết là do tính tình không hợp và do anh M chơi bời, không tu chí làm ăn dẫn đến bất đồng về kinh tế.

Về con chung: Chị H và anh M có hai con chung Nguyễn PH L, sinh ngày 20/01/2003 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và Nguyễn Đình H1, sinh ngày 11/5/2006.

Về tài sản chung và nợ chung giữa chị H và anh M địa pH không nắm được.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022, chị Nguyễn PH L là con chung của anh M và chị H trình bày:

Bố chị là Nguyễn Đình M có nơi cư trú tại thôn Đoài Thịnh, xã Thái Thịnh, đến khoảng giữa tháng 3 năm 2022 sau khi nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án về việc mẹ chị là Nguyễn Thị H xin ly hôn thì bố chị đã cH1ên vào miền nam làm ă và không đến Tòa án để làm việc. Chị không biết địa chỉ cụ thể của bố chị trong miền nam. Tuy nhiên, chị vẫn liên lạc với bố chị qua điện thoại. Quan điểm của bố chị là đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để trình bày quan điểm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: xử cho chị Bùi Thị H

được ly hôn anh Nguyễn Đình M; Về quan hệ con chung chị H và anh M có hai con chung Nguyễn PH L, sinh ngày 20/01/2003 đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và Nguyễn Đình H1, sinh ngày 11/5/2006. Ly hôn, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đình H1. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đình M đang cư trú tại xã Thái Thịnh, H1ện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Thái Thụy. Anh M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình M kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, H1ện Thái Thụy vào ngày 26/02/2002. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và do chị H cho rằng anh M ham chơi bời, nợ nần. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh M đến Tòa án để hòa giải và tham gia phiên Tòa anh M đều không đến và không có văn bản thể hiện quan điểm của mình. Chứng tỏ anh M không thiết tha gì việc đoàn tụ với chị H. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị H và anh M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh M và chị H có 02 con chung là chung Nguyễn PH L, sinh ngày 20/01/2003 và Nguyễn Đình H1, sinh ngày 11/5/2006. Đối với Nguyễn PH L đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Chị H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H1, anh M không có quan điểm. Cháu H1 đã đủ 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng nuôi cháu là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh M không trình bày quan điểm, chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh M có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Nguyễn Đình M.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi con Nguyễn Đình H1, sinh ngày 11/5/2006. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình M có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị H nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004073 ngày 16/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Đình M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND H1ện Thái Thụy.
- Chi cục THADS H1ện Thái Thụy;
- UBND xã Thái Thịnh.
- UBND xã A.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

